| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ V**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 25-01-2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hồng Quan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2023/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng L; địa chỉ: Khóm M, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V; địa chỉ: Quốc lộ SM, ấp PP 3, xã BP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo hợp đồng ủy quyền ngày 04/7/2023); có mặt.

*2. Bị đơn*: Ông Phùng Minh H; địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2023 của bà Nguyễn Thị Hồng L và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hoàng V là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12/01/2023, bà L cho ông Phùng Minh H vay 700.000.000 đồng; lãi suất 1,666%/tháng; thời hạn vay 10 ngày, tính từ ngày 12/10/2023 đến ngày 22/01/2023; mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Khi bà L cho ông H vay có ghi

biên nhận nợ và ký tên, hiện do bà L giữ. Đến hạn trả nợ ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 28/3/2023, ông H trả cho bà Loan 200.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000.000 đồng. Bà L nhiều lần nhắc ông H trả tiền nhưng ông H vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phùng Minh H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và 02 khoản tính lãi như sau.

Tiền lãi của số tiền gốc 700.000.000 đồng. Từ ngày 13/01/2023 - 28/3/2023 là 02 tháng 15 ngày, với mức lãi suất 1,666%/tháng. Thành tiền: 700.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 02 tháng 15 ngày = 29.166.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền gốc 500.000.000 đồng. Từ ngày 29/3/2023 - 03/7/2023 (ngày khởi kiện) là 03 tháng 04 ngày, với mức lãi suất 1,666%/tháng. Thành tiền: 500.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 03 tháng 04 ngày = 26.111.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu ông Phùng Minh H phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh của số tiền vốn 500.000.000 đồng, với lãi suất 1,666%/tháng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng V là người đại diện của nguyên đơn trình bày, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L có nhận của bị đơn ông Phùng Minh H số tiền 252.500.000 đồng. Cụ thể như sau: Ngày 19/01/2023, ông H chuyển khoản số tiền 28.000.000 đồng; ngày 27/3/2023, ông H chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng; từ ngày 26/6/2023 đến ngày 03/10/2023, ông H chuyển khoản số tiền 24.500.000 đồng. Số tiền ông Phùng Minh H còn nợ lại là 447.500.000 đồng và tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Phùng Minh H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền vốn vay còn nợ lại là 447.500.000 đồng.

2. Buộc ông Phùng Minh H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền lãi, cụ thể như sau:

- Lãi của số tiền gốc 672.000.000 đồng (700.000.000 đồng - 28.000.000 đồng), với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 23/01/2023 đến ngày 26/3/2023 (62 ngày).

Thành tiền: (672.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 62 ngày) : 30 = 11.527.040 đồng (1).

- Lãi của số tiền gốc 472.000.000 đồng (672.000.000 đồng - 200.000.000 đồng), với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 27/3/2023 đến ngày 25/6/2023 (90 ngày).

Thành tiền: (472.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 90 ngày) : 30 = 11.752.800 đồng (2).

- Lãi của số tiền gốc 447.500.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 26/6/2023 đến ngày 25/01/2024 (213 ngày).

Thành tiền: (447.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 213 ngày) : 30 = 26.371.175 đồng (3).

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 25/01/2024 là: (1) + (2) + (3).

Thành tiền: 11.527.040 đồng + 11.752.800 đồng + 26.371.175 đồng = 49.651.015 đồng.

Vì vậy, ông Phùng Minh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền vốn vay còn nợ lại và tiền lãi là 497.151.015 đồng (447.500.000 đồng + 49.651.015 đồng).

*Tại bản khai ý kiến ngày 20/12/2023 bị đơn ông Phùng Minh H trình bày:*

Ông H thừa nhận ngày 12/01/2023 có vay của bà L 700.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Ngày 27/3/2023, ông Hải trả cho bà Loan số tiền 200.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2023 - 03/10/2023, ông Hải trả cho bà L số tiền gốc là 252.500.000 đồng (ngày 19/8/2023 là 28.000.000 đồng, 27/3/2023 là 200.000.000 đồng, 26/6/2023 là 5.000.000 đồng, 13/7/2023 là 2.000.000 đồng, 19/7/2023 là 2.000.000 đồng, 24/7/2023 là 1.000.000 đồng, 25/7/2023 là 1.000.000 đồng, 26/7/2023 là 1.000.000 đồng, 27/7/2023 là 500.000 đồng, 29/7/2023 là 500.000 đồng, 10/8/2023 là 500.000 đồng, 20/10/2023 là 5.000.000 đồng, 07/7/2023 là 3.000.000 đồng, 08/8/2023 là 500.000 đồng, 15/8/2023 là 500.000 đồng, 18/8/2023 là 500.000 đồng, 31/8/2023 là 500.000 đồng, 08/9/2023 là 500.000 đồng, 03/10/2023 là 500.000 đồng).

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phùng Minh H vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L. Buộc bị đơn ông Phùng Minh H phải trả lại cho bà L số tiền vốn vay còn nợ là 447.500.000 đồng và tiền lãi là 49.335.173 đồng, tổng cộng vốn lãi là 496.835.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.873.400 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Phùng Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Về thẩm quyền loại việc: Bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ông Phùng Minh H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn vay còn nợ là 447.500.000 đồng và tiền lãi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn ông Phùng Minh H, sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[1.4] Đối với việc không đưa ông Huỳnh Văn N (chồng bà L) và ông Nguyễn Bảo Q (bạn ông H) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng *việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ* nên họ được tự mình đề nghị hoặc *các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan"*. Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2023 - 03/10/2023, ông H trả cho bà L số tiền gốc là 252.500.000 đồng, hình thức chuyển khoản vào tài khoản của chồng bà Loan là ông Huỳnh Văn N *được bà Loan thừa nhận* (ngày 19/8/2023 là 28.000.000 đồng, 27/3/2023 là 200.000.000 đồng, 26/6/2023 là 5.000.000 đồng, 13/7/2023 là 2.000.000 đồng, 19/7/2023 là 2.000.000 đồng, 24/7/2023 là 1.000.000 đồng, 25/7/2023 là 1.000.000 đồng, 26/7/2023 là 1.000.000 đồng, 27/7/2023 là 500.000 đồng, 29/7/2023 là 500.000 đồng, 10/8/2023 là 500.000 đồng, 20/10/2023 là 5.000.000 đồng Và ông H nhờ ông Q chuyển giùm ông H 6.000.000 đồng (07/7/2023 là 3.000.000 đồng, 08/8/2023 là 500.000 đồng, 15/8/2023 là 500.000 đồng, 18/8/2023 là 500.000 đồng, 31/8/2023 là 500.000 đồng, 08/9/2023 là 500.000 đồng, 03/10/2023 là 500.000 đồng).

Xét thấy, việc giải quyết vụ án dân sự giữa bà L với ông H không có liên

quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông N và ông Q nên Hội đồng xét xử không đưa ông N và ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L về việc yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn vay còn nợ lại là 447.500.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị Hồng L cung cấp:

[2.1] Nội dung giấy biên nhận ngày 12/01/2023 thể hiện như sau: Ông Phùng Minh H, chứng minh nhân dân số 331177840; hôm nay tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Hồng L số tiền 700.000.000 đồng, hẹn trả lại trong 10 ngày, người mượn ký tên và ghi họ tên Phùng Minh H.

[2.2] Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2023 - 03/10/2023, ông H trả cho bà Loan số tiền gốc là 252.500.000 đồng (ngày 19/8/2023 là 28.000.000 đồng, 27/3/2023 là 200.000.000 đồng, 26/6/2023 là 5.000.000 đồng, 13/7/2023 là 2.000.000 đồng, 19/7/2023 là 2.000.000 đồng, 24/7/2023 là 1.000.000 đồng, 25/7/2023 là 1.000.000 đồng, 26/7/2023 là 1.000.000 đồng, 27/7/2023 là 500.000 đồng, 29/7/2023 là 500.000 đồng, 10/8/2023 là 500.000 đồng, 20/10/2023 là 5.000.000 đồng, 07/7/2023 là 3.000.000 đồng, 08/8/2023 là 500.000 đồng, 15/8/2023 là 500.000 đồng, 18/8/2023 là 500.000 đồng, 31/8/2023 là 500.000 đồng, 08/9/2023 là 500.000 đồng, 03/10/2023 là 500.000 đồng).

[2.3] Bị đơn ông Phùng Minh H thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền vốn vay là 447.500.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[2.4] Ông Phùng Minh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L theo đúng thỏa thuận. Do đó, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Phùng Minh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền vốn vay còn nợ lại là 447.500.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Giấy mượn tiền ngày 12/01/2023, không thể hiện các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, chỉ thỏa thuận thời hạn trả là 10 ngày. Do đó, hợp đồng vay ngày 12/01/2023 là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Trường hợp vay không có lãi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*".

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả nợ gốc từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử là 0,83%/tháng. Các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự

năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

- Lãi của số tiền gốc 672.000.000 đồng (700.000.000 đồng - 28.000.000 đồng), với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 23/01/2023 đến ngày 26/3/2023 (62 ngày).

Thành tiền: (672.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 62 ngày) : 30 = 11.527.040 đồng (1).

- Lãi của số tiền gốc 472.000.000 đồng (672.000.000 đồng - 200.000.000 đồng), với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 27/3/2023 đến ngày 25/6/2023 (90 ngày).

Thành tiền: (472.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 90 ngày) : 30 = 11.752.800 đồng (2).

- Lãi của số tiền gốc 447.500.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 26/6/2023 đến ngày 25/01/2024 (213 ngày).

Thành tiền: (447.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 213 ngày) : 30 = 26.371.175 đồng (3).

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 25/01/2024 là: (1) + (2) + (3)

Thành tiền: 11.527.040 đồng + 11.752.800 đồng + 26.371.175 đồng = 49.651.015 đồng.

Vì vậy, ông Phùng Minh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền vốn vay còn nợ lại và tiền lãi là 497.151.015 đồng (447.500.000 đồng + 49.651.015 đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phùng Minh H chịu án phí có giá ngạch trên số tiền mà ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng là: 20.000.000 đồng + {(497.151.015 đồng - 400.000.000 đồng) x 4 %} = 23.886.041 đồng.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuyên xử:

*1. Về nội dung:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L.

Buộc ông Phùng Minh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền vốn vay còn nợ lại là 447.500.000đ (bốn trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 49.651.015đ (bốn mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, không trăm mười lăm đồng), tổng cộng vốn vay và lãi là 497.151.015đ (bốn trăm chín mươi bảy triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, không trăm mười lăm đồng).

*2. Về án phí:*

Buộc ông Phùng Minh H phải chịu 23.886.041đ (hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho bà L 13.106.000đ (mười ba triệu, một trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0002368 ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

*3. Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

*4. Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Quan**